

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH  
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUUV

**DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN  
TỔ CHỨC NGÀY 12/4/2026**

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Số CCCD	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành			
1	Phan Thị Lan Anh	Nữ	29/5/2000	Nghệ An	Kinh	040300024058	6.7	8.5	613/QĐ202/2026	TH015503	
2	Phan Thị Hồng Duyên	Nữ	13/8/1997	Quảng Trị	Kinh	044197010079	6.3	9.0	614/QĐ202/2026	TH015504	
3	Nguyễn Thị Hải	Nữ	11/11/1997	Nghệ An	Kinh	040197005268	5.7	6.5	615/QĐ202/2026	TH015505	
4	Phan Thị Mỹ Hạnh	Nữ	28/02/1993	Nghệ An	Kinh	040193013461	6.3	8.5	616/QĐ202/2026	TH015506	
5	Hồ Thị Hoa	Nữ	25/7/1979	Nghệ An	Kinh	040179020696	6.0	7.0	617/QĐ202/2026	TH015507	
6	Lang Thanh Hòe	Nữ	10/02/1993	Nghệ An	Thái	040193039087	5.7	5.5	618/QĐ202/2026	TH015508	
7	Đặng Thị Hương	Nữ	24/9/1992	Nghệ An	Kinh	040192007605	6.0	7.5	619/QĐ202/2026	TH015509	
8	Trần Đình Huy	Nam	26/4/2003	Nghệ An	Kinh	040203006830	8.0	9.0	620/QĐ202/2026	TH015510	
9	Nguyễn Thị Huyền	Nữ	08/8/1988	Nghệ An	Kinh	040188008455	6.3	8.0	621/QĐ202/2026	TH015511	
10	Đặng Thị Huyền	Nữ	01/02/2002	Nghệ An	Kinh	040302017220	6.0	8.5	622/QĐ202/2026	TH015512	
11	Trần Khánh Huyền	Nữ	28/9/2003	Nghệ An	Kinh	040303008148	5.3	8.0	623/QĐ202/2026	TH015513	
12	Phan Thị Thanh Linh	Nữ	28/5/2003	Nghệ An	Kinh	040303003425	5.0	8.5	624/QĐ202/2026	TH015514	
13	Lê Tiến Long	Nam	15/8/2000	Nghệ An	Kinh	040200020031	6.3	9.0	625/QĐ202/2026	TH015515	
14	Nguyễn Ngọc Minh	Nữ	30/10/2002	Hà Tĩnh	Kinh	042302005670	6.7	9.0	626/QĐ202/2026	TH015516	
15	Hà Phan Yến Nhi	Nữ	24/10/2004	Hà Tĩnh	Kinh	042304010557	6.3	8.0	627/QĐ202/2026	TH015517	
16	Lê Nho Quyết	Nam	17/01/1971	Nghệ An	Kinh	040071024565	6.0	8.0	628/QĐ202/2026	TH015518	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Số CCCD	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành			
17	Nguyễn Thủy Quỳnh	Nữ	25/4/2002	Nghệ An	Kinh	040302004007	7.0	7.0	629/QĐ202/2026	TH015519	
18	Nguyễn Thị Thanh	Nữ	25/02/1987	Nghệ An	Kinh	040187005401	6.7	7.0	630/QĐ202/2026	TH015520	
19	Phạm Thị Thảo	Nữ	16/5/2002	Nghệ An	Kinh	040302013714	6.0	9.0	631/QĐ202/2026	TH015521	
20	Nguyễn Thị Thảo	Nữ	26/4/1986	Nghệ An	Kinh	040186005813	5.7	9.0	632/QĐ202/2026	TH015522	
21	Lưu Thị Thủy	Nữ	02/10/1986	Nghệ An	Kinh	040186036277	5.0	6.0	633/QĐ202/2026	TH015523	
22	Phạm T. Huyền Trang	Nữ	06/11/1991	Nghệ An	Kinh	040191032575	7.0	8.0	634/QĐ202/2026	TH015524	
23	Nguyễn Thanh Tuấn	Nam	29/7/2000	Nghệ An	Kinh	040200024738	7.0	8.5	635/QĐ202/2026	TH015525	
24	Đặng Thị Xoan	Nữ	17/10/1985	Nghệ An	Kinh	040185016622	6.7	7.0	636/QĐ202/2026	TH015526	
25	Trương Thị Linh Chi	Nữ	25/11/2003	Nghệ An	Kinh	040303019171	5.7	7.0	637/QĐ202/2026	TH015527	
26	Cụt Văn Chơ	Nam	19/02/1997	Nghệ An	Khơ mú	040097013190	6.0	8.5	638/QĐ202/2026	TH015528	
27	Lê Thị Đào	Nữ	28/6/2005	Nghệ An	Kinh	040305005636	6.0	6.5	639/QĐ202/2026	TH015529	
28	Trần Thị Thủy Dung	Nữ	22/5/1986	Nghệ An	Kinh	040186007417	7.0	8.0	640/QĐ202/2026	TH015530	
29	Nguyễn Thị Hằng	Nữ	17/5/2003	Thanh Hóa	Kinh	038303013489	5.3	7.0	641/QĐ202/2026	TH015531	
30	Nguyễn Thị Thu Hiền	Nữ	07/01/1994	Nghệ An	Kinh	040194022113	6.0	9.0	642/QĐ202/2026	TH015532	
31	Ngô Thị Yến Hoài	Nữ	19/11/1997	Nghệ An	Thổ	040197022338	6.0	5.5	643/QĐ202/2026	TH015533	
32	Nguyễn Thị Mai	Nữ	10/4/1991	Nghệ An	Kinh	040191003266	7.0	8.0	644/QĐ202/2026	TH015534	
33	Đậu Thị Minh	Nữ	25/3/2004	Nghệ An	Kinh	040304006905	6.0	6.0	645/QĐ202/2026	TH015535	
34	Nguyễn Thị Lê Na	Nữ	09/10/1992	Hà Tĩnh	Kinh	042192000897	6.3	8.0	646/QĐ202/2026	TH015536	
35	Trần Thị Ngọc	Nữ	01/5/2004	Hà Tĩnh	Kinh	042304003406	6.3	6.5	647/QĐ202/2026	TH015537	
36	Bùi Thị Phú Nguyên	Nữ	09/6/1992	Nghệ An	Kinh	040192003848	6.3	9.0	648/QĐ202/2026	TH015538	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Số CCCD	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành			
37	Nguyễn Thị Nhung	Nữ	29/3/2004	Hà Tĩnh	Kinh	042304005472	6.3	7.5	649/QĐ202/2026	TH015539	
38	Nguyễn T.Thu Phương	Nữ	10/9/1981	Hà Tĩnh	Kinh	042181014126	5.3	5.0	650/QĐ202/2026	TH015540	
39	Đậu Thị Quế	Nữ	18/5/1978	Nghệ An	Kinh	040178024272	5.3	6.0	651/QĐ202/2026	TH015541	
40	Nguyễn Hữu Quốc	Nam	02/9/2002	Nghệ An	Kinh	040202014510	5.0	6.5	652/QĐ202/2026	TH015542	
41	Ngô Phương Thảo	Nữ	01/12/1998	Nghệ An	Kinh	040198021822	6.0	8.0	653/QĐ202/2026	TH015543	
42	Nguyễn Thị Trà	Nữ	03/3/1993	Nghệ An	Kinh	040193014971	5.7	7.0	654/QĐ202/2026	TH015544	
43	Nguyễn Thị Thanh Trà	Nữ	30/6/1994	Nghệ An	Kinh	040194006513	6.3	6.5	655/QĐ202/2026	TH015545	
44	Lê Huyền Trân	Nữ	02/01/2004	Nghệ An	Kinh	040304006899	6.0	7.5	656/QĐ202/2026	TH015546	
45	Nguyễn T.Thùy Trang	Nữ	23/6/1989	Nghệ An	Kinh	040189011954	7.0	9.0	657/QĐ202/2026	TH015547	
46	Nguyễn Huyền Trang	Nữ	30/10/2004	Nghệ An	Kinh	040304021533	5.3	7.5	658/QĐ202/2026	TH015548	
47	Hà Thị Huyền Trang	Nữ	14/5/2003	Nghệ An	Kinh	040303003810	6.0	7.0	659/QĐ202/2026	TH015549	
48	Hoàng Thị Hà Trang	Nữ	12/02/2004	Hà Tĩnh	Kinh	042304004715	5.7	7.0	660/QĐ202/2026	TH015550	
49	Trần Xuân Trường	Nam	19/12/1991	Nghệ An	Kinh	040091001915	6.0	8.0	661/QĐ202/2026	TH015551	
50	Hoàng Thị Yến	Nữ	02/3/1989	Nghệ An	Kinh	040189005293	7.3	8.5	662/QĐ202/2026	TH015552	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Dân tộc	Số CCCD	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
							Lý thuyết	Thực hành			







